



Ôn-tập-trac-nghiem-mon- Cnxxkh-full Ba-Phuong

Chủ Nghĩa Xã hội khoa học (Đại học Tôn Đức Thắng)

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC – KHÔNG CHUYÊN

Câu 1: Điều kiện kinh tế - xã hội cho sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dẫn tới sự..... giữa lực lượng sản xuất mang tínhngày càng cao với quan hệ sản xuất dựa trên chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Trong các dấu chấm lần lượt là?

- A. Mâu thuẫn, xã hội hóa, tư nhân**
- B. Thống nhất, xã hội hóa, tư nhân
- C. Thống nhất, tư nhân, xã hội hóa
- D. Mâu thuẫn, tư nhân, xã hội hóa

Câu 2: Điều kiện chính trị - xã hội cho sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học là

- A. Giai cấp công nhân đã xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và hướng mũi nhọn vào kẻ thù chính là giai cấp tư sản**
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong lòng chủ nghĩa tư bản
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp tư sản
- D. Mâu thuẫn giữa tư sản, công nhân, nông dân với quý tộc phong kiến

Câu 3: Tiền đề lý luận trực tiếp nhất cho sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học là?

- A. Chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán**
- B. Triết học cổ điển Đức
- C. Kinh tế chính trị cổ điển Anh
- D. Chủ nghĩa xã hội không tưởng

Câu 4. Những hạn chế cơ bản nhất của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác là gì?

A. Không phát hiện được lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và công sản chủ nghĩa.

B. Chưa thấy được bản chất bóc lột và quá trình phát sinh phát triển và diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản.

C. Không dùng bạo lực cách mạng để xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa.

D. Mang tính duy tâm trong việc phác thảo ra những đặc trưng của xã hội tương lai

Câu 5: Tác phẩm đánh dấu sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học là?

- A. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản**
- B. Hệ tư tưởng Đức
- C. Gia đình thần thánh
- D. Luận cương Phoiơbách

Câu 6: Những cống hiến vĩ đại nhất của C.Mác – Ph.Ăngghen trong vai trò những nhà sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học là:

- A. **Chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị thặng dư, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**
- B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị thặng dư
- C. Học thuyết giá trị thặng dư, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Câu 7: Công lao nổi bật của V.I.Lênin đối với chủ nghĩa xã hội khoa học là:

- A. **Đưa chủ nghĩa xã hội khoa học từ lý luận thành hiện thực**
- B. Phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học không tương thành khoa học
- C. Sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử
- D. Phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Câu 8: Trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam. Trong dấu chấm là:

- A. **Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh**
- B. Bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học
- C. Hệ tư tưởng Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, từng bước giữ ổn định để cải cách, đổi mới và phát triển
- D. Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Câu 9: Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học với tư cách là một bộ phận cấu thành lên chủ nghĩa Mác – Lênin là:

- A. **Những qui luật, tính qui luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội**
- B. Nghiên cứu những về quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- C. Nghiên cứu quan hệ sản xuất; phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; quy luật phát triển của quan hệ sản xuất mới, xây dựng xã hội không có áp bức bất công.
- D. Những qui luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, lý luận nhận thức.

Câu 10: Ý nghĩa việc nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học:

..... bản chất xã hội mà Việt Nam đang xây dựng.vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công trong công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.đúng với trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. **Các từ còn thiếu trong dấu chấm lần lượt là:**

A. **Hiểu rõ, tin tưởng, hành động**

B. Tin tưởng, hiểu rõ, hành động

C. Tin tưởng, hành động, hiểu rõ

D. Hiểu rõ, hành động, tin tưởng

Câu 11: Bộ “ Tư bản” – tác phẩm chủ yếu và cơ bản ấy trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học... xác định trên của Lê nin với ý nghĩa:

A. CNXHKKH là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác.

B. **CNXHKKH là chủ nghĩa Mác.**

C. CNXHKKH là một trong những đỉnh cao nhất của khoa học xã hội

D. CNXHKKH là hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân.

Câu 12: “ Sự khái quát lý luận về những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản”, thuộc về:

A. Khái niệm CNXHKKH.

B. Vị trí của CNXHKKH.

C. Phương pháp nghiên cứu CNXHKKH.

D. **Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH.**

Câu 13: “ Vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để nghiên cứu phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học”, thuộc phương pháp nghiên cứu:

A. Kết hợp lịch sử – lôgic.

B. Khảo sát và phân tích.

C. **Tổng kết lý luận từ thực tiễn.**

D. Liên ngành.

Câu 14: Nghiên cứu, học tập CNXHKKH không chỉ để nhận thức và giải thích thế giới, mà điều quan trọng là góp phần cải tạo thế giới. Nội dung nói về:

A. **Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH.**

B. Chức năng của CNXHKKH.

C. Vị trí của CNXHKKH.

D. Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH.

Câu 15: Những nguyên lý cơ bản của CNXHKKH quy tụ trong tác phẩm nào của C. Mác và Ph. Ăngghen:

A. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen.

B. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh.

C. **Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.**

D. Bộ: “Tư bản”.

Câu 16: Lần đầu tiên CNXH được trình bày một cách khoa học trong tác phẩm nào của C. Mác:

- A. Bản thảo kinh tế – triết học năm 1844.
- B. **“ Tư bản” phê phán khoa kinh tế chính trị năm 1867.**
- C. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh.
- D. Sự khốn cùng của triết học

Câu 17: Phạm trù nào được coi là cơ bản nhất, là xuất phát điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học?

- A. **Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**
- B. Giai cấp công nhân
- C. Chuyên chính vô sản
- D. Xã hội chủ nghĩa

Câu 18: Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của.....; Là giai cấp đại diện cho.....tiên tiến. Trong dấu chấm lần lượt là:

- A. **Nền công nghiệp hiện đại, lực lượng sản xuất**
- B. Chủ nghĩa tư bản; lực lượng sản xuất
- C. Nền công nghiệp hiện đại, xã hội mới
- D. Chủ nghĩa tư bản, xã hội mới

Câu 19: Đặc điểm nổi bật của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là

- A. **Xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất**
- B. Lật đổ chính quyền cũ, thành lập chính quyền mới cho giai cấp mình
- C. Mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển
- D. Xây dựng xã hội mới thay thế cho xã hội cũ

Câu 20: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do

- A. **Do điều kiện khách quan quy định**
- B. C.Mác và Ph.Ăngghen gán cho giai cấp công nhân
- C. Do nhu cầu chủ quan của giai cấp công nhân
- D. Do mâu thuẫn về lợi ích giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản

Câu 21: Mục tiêu cuối cùng của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là?

- A. **Giải phóng con người, giải phóng xã hội**
- B. Xóa bỏ sự thống trị của giai cấp tư sản
- C. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân
- D. Xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa

Câu 22: Sự biến đổi của giai cấp công nhân hiện nay không làm mất đi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bởi vì

- A. **Giai cấp công nhân vẫn phải làm thuê và bị bóc lột giá trị thặng dư**
- B. Phương thức lao động không thay đổi
- C. Cơ cấu ngành nghề không thay đổi

D. Đời sống của giai cấp công nhân không thay đổi

Câu 23: Nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình là

A. **Đảng Công sản**

B. Sự liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân

C. Sự mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong lòng xã hội tư bản

D. Sự phát triển về số lượng của giai cấp công nhân

Câu 24: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay là

A. **Lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng Công sản, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH – HDH, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp.**

B. Lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng Công sản

C. Sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội

D. Giữ vững vai trò lãnh đạo đối với đất nước

Câu 25: Giai cấp công nhân Việt Nam không có đặc điểm nào

A. **Có số lượng đông và trình độ cao khi mới ra đời**

B. Ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp

C. Ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp

D. Gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội

Câu 26: Điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam là:

A. **Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh**

B. Phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại

C. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho giai cấp công nhân

D. Phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

Câu 27: Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa bắt đầu và kết thúc khi nào?

A. **Bắt đầu từ thời kỳ quá độ cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản.**

B. Từ khi Đảng cộng sản ra đời và xây dựng xong chủ nghĩa xã hội.

C. Bắt đầu từ giai đoạn cao của xã hội cộng sản và kết thúc ở giai đoạn cao của xã hội cộng sản.

D. Cả ba đều không đúng.

Câu 28: Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội là tất yếu đối với

A. **Tất cả các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội**

B. Các nước bỏ qua chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

C. Các nước tư bản chủ nghĩa kém phát triển lên chủ nghĩa xã hội

D. Các nước tư bản chủ nghĩa phát triển lên chủ nghĩa xã hội

Câu 29: Đặc trưng về kinh tế của chủ nghĩa xã hội là

- A. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu**
- B. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu
- C. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu
- D. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sinh hoạt

Câu 30: Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là gì?

- A. Là cuộc cải biến cách mạng trên tất cả các lĩnh vực**
- B. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế
- C. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị
- D. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa

Câu 31: Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua yếu tố nào của chủ nghĩa tư bản?

- A. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa**
- B. Bỏ qua nhà nước của giai cấp tư sản
- C. Bỏ qua cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản
- D. Bỏ qua tất cả những gì liên quan đến tư bản chủ nghĩa

Câu 32: Thời kỳ quá độ là thời kỳ cải biến toàn diện khó khăn, lâu dài, nguyên nhân thuộc về nhân tố chủ quan là:

- A. Trình độ của giai cấp công nhân còn hạn chế**
- B. Tàn dư của xã hội cũ còn tồn tại cần phải xóa bỏ
- C. Các nước tư bản chủ nghĩa và các thế lực thù địch luôn luôn chống phá
- D. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, chưa có tiền lệ

Câu 33: Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với mấy đặc trưng?

- A. 8 đặc trưng**
- B. 7 đặc trưng
- C. 6 đặc trưng
- D. 5 đặc trưng

Câu 34: Tại sao việc phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hóa là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

A. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

B. Đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại

C. Nâng Việt Nam lên ngang tầm với các nước trên thế giới

D. Đoàn tuyệt với nền kinh tế tiểu nông lạc hậu

Câu 35: Nhiệm vụ được coi là *then chốt* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là:

A. Xây dựng Đảng

B. Phát triển kinh tế - xã hội

C. Phát triển văn hóa, con người

D. củng cố quốc phòng, an ninh

Câu 36: Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có đặc trưng về kinh tế là:

A. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp

B. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

C. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu

D. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

Câu 37: Cách mạng Tháng Mười Nga mở tời đại mới:

A. Thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi thế giới.

B. Thời đại XHCN.

C. Thời đại cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Thời đại cách mạng khoa học và công nghệ

Câu 38: . HTKT – XH cộng sản là sự phát triển trên cơ sở nào của CNTB:

A. LLSX mang tính xã hội hóa.

B. QHSX của CNTB.

C. Hình thái ý thức xã hội.

D. Kiến trúc thượng tầng

Câu 39: Sử dụng những bước quá độ nhỏ ở Việt Nam được thực hiện từ:

A. 1945 – 1954.

B. 1954 – 1975.

C. 1975 – 1986.

D. 1986 – Nay.

Câu 40: Khái niệm dân chủ xuất hiện sớm nhất trong lịch sử vào thời:

A. Nguyên thủy.

B. Chiếm hữu nô lệ.

C. Phong kiến.

D. Tư bản.

Câu 41: Dân chủ là gì?

A. Là quyền lực thuộc về nhân dân

B. Là quyền của con người

C. Là quyền tự do của mỗi người

D. Là trật tự xã hội

Câu 42: Quyền lực thực sự của nhân dân dựa trên cơ sở nào:

A. Nhân dân lao động làm chủ TLSX.

B. Đấu tranh giai cấp.

C. Chế độ bầu cử.

D. Hệ thống chính trị.

Câu 43: Dân chủ với tư cách là một hình thức hay hình thái nhà nước thì được xem xét dưới góc độ nào?

A. Phạm trù chính trị

B. Phạm trù lịch sử

C. Phạm trù văn hoá

D. Phạm trù triết học

Câu 44: So với các nền dân chủ trước đây, dân chủ xã hội chủ nghĩa có điểm khác biệt cơ bản nào?

A. Là nền dân chủ rộng rãi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

B. Không còn mang tính giai cấp.

C. Là nền dân chủ phi lịch sử.

D. Là nền dân chủ thuần túy.

Câu 45: Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện như thế nào?

A. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trong đó có giai cấp công nhân.

B. Là thực hiện quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với toàn xã hội.

C. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

D. Cả a, b và c

Câu 46: Nhân dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, thuộc về:

A. Bản chất kinh tế nền dân chủ XHCN.

B. Bản chất chính trị nền dân chủ XHCN.

- C. Bản chất tư tưởng nền dân chủ XHCN.
- D. Cả a, b, c.

Câu 46: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có ... làm tròn bổn phận công dân” (Hồ Chí Minh)

- A. Nghĩa vụ
- B. Trách nhiệm
- C. Trình độ để
- D. Khả năng để

Câu 47: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính ... sâu sắc.

- A. Dân tộc
- B. Giai cấp
- C. Nhân đạo
- D. Cộng đồng

Câu 48: Câu nào thể hiện dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

- A. “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”
- B. “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”
- C. “Dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương”
- D. “Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân”

Câu 49: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý mọi mặt của đời sống xã hội chủ yếu bằng gì?

- A. Hiến pháp, pháp luật
- B. Đường lối, chính sách
- C. Tuyên truyền, giáo dục.
- D. Đạo đức, phong tục tập quán

Câu 50: Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam hiện nay cần:sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Trong dấu chấm lần lượt là:

- A. Tăng cường, dân chủ hóa, xây dựng
- B. Nâng cao, cải cách, hoàn thiện
- C. Tăng cường, dân chủ hóa, hoàn thiện
- D. Nâng cao, dân chủ hóa, xây dựng

Câu 51: Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa là

- A. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng của nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ thực thi của dân chủ xã hội chủ nghĩa
- B. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là công cụ thực thi của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- C. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng của dân chủ xã hội chủ nghĩa
- D. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng của dân chủ xã hội chủ nghĩa, Dân chủ xã hội chủ nghĩa là công cụ thực thi của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Câu 52: Nền dân chủ XHCN ở Việt Nam thực hiện:

- A. Dân chủ đại diện (gián tiếp) và dân chủ trực tiếp.
- B. Dân chủ đại diện.
- C. Dân chủ trực tiếp.
- D. Chuyên chính vô sản

Câu 53: Trong xã hội có giai cấp, cơ cấu nào có vị trí quyết định nhất, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác?

- A. Cơ cấu xã hội - giai cấp
- B. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp
- C. Cơ cấu xã hội - dân số
- D. Cơ cấu xã hội - dân tộc

Câu 54: Sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp gắn liền và được quy định bởi sự biến động của cơ cấu nào?

- A. Cơ cấu xã hội - kinh tế
- B. Cơ cấu xã hội - dân số
- C. Cơ cấu xã hội - dân tộc
- D. Cơ cấu xã hội - dân cư

Câu 55: Yếu tố nào quyết định sự liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức?

- A. Do có những lợi ích cơ bản thống nhất với nhau
- B. Do giai cấp công nhân mong muốn
- C. Do có cùng một kẻ thù là giai cấp tư sản
- D. Do mục tiêu về chính trị của giai cấp công nhân

Câu 56: Xu hướng phát triển cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ mang tính đa dạng và thống nhất chủ yếu do yếu tố nào quyết định?

- A. Do nền kinh tế nhiều thành phần
- B. Do trình độ phát triển không đồng đều
- C. Do sự mong muốn của giai cấp công nhân
- D. Cả ba đều đúng.

Câu 57: Nguyên tắc của liên minh tầng lớp, giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là

A. Đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, kết hợp đúng đắn các lợi ích, đảm bảo tính tự nguyện

B. Đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân

C. Kết hợp đúng đắn các lợi ích

D. Đảm bảo tính tự nguyện

Câu 58: Cơ cấu xã hội – giai cấp của Việt Nam bao gồm các giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

A. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân, đội ngũ thanh niên, phụ nữ

B. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, phụ nữ

C. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ doanh nhân, đội ngũ thanh niên

D. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ doanh nhân, đội ngũ thanh niên, phụ nữ

Câu 59: Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là liên minh của:

A. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức

B. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân

C. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ doanh nhân

D. Giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và đội ngũ doanh nhân

Câu 60: Nội dung nào quan trọng nhất trong các nội dung Liên minh công-nông-trí thức ?

A. Kinh tế

B. Chính trị

C. Tư tưởng

D. Văn hoá- xã hội

Câu 61: Nội dung liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam là:

A. Giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải chú ý thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của công, nông, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động

C. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

D. Đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Câu 62: Có mấy phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

- A. Năm
- B. Sáu
- C. Bảy
- D. Tám

Câu 63: Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin là:

- A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.
- B. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng và liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.
- C. Các dân tộc có quyền tự quyết, các dân tộc có quyền bình đẳng, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.
- D. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, tự quyết và liên hiệp công nhân các nước

Câu 64: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị – xã hội và ... phát triển của dân tộc mình.

- A. Con đường
- B. Cách thức
- C. Mục tiêu
- D. Hình thức

Câu 65: Đặc trưng nổi bật nhất trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là:

- A. Là sự cố kết dân tộc, hoà hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất.
- B. Là sự phân bố đan xen nhau, không một dân tộc nào có lãnh thổ riêng.
- C. Là có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc.
- D. Là các dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, đa dạng, phong phú

Câu 66: Hãy tìm ý đúng trong các phương án dưới đây. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ:

- A. Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng.
- B. Vấn đề dân tộc có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.
- C. Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí quyết định đến sự sống còn của dân tộc ta hiện nay.
- D. Vấn đề dân tộc và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề chiến lược của Việt Nam hiện nay.

Câu 67: Trong một quốc gia đa tộc người thì vấn đề gì cần giải quyết được coi là có ý nghĩa cơ bản nhất để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Xoá bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại
- B. Ban hành hệ thống hiến pháp và pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc
- C. Chống tư tưởng phân biệt chủng tộc, kì thị và chia rẽ dân tộc
- D. Nâng cao trình độ dân trí, văn hoá cho đồng bào

Câu 68: Bản chất của tôn giáo là gì?

- A. Là một hình thái ý thức xã hội nó phản ánh một cách hoang đường hư ảo cái hiện thực khách quan vào đầu óc con người.
- B. Là sự phản ánh hiện thực khách quan và tồn tại xã hội.
- C. Là sự phản ánh thế giới quan của con người đối với xã hội.
- D. Mơ ước của con người về một tương lai tốt đẹp

Câu 69: Tôn giáo là một phạm trù lịch sử bởi vì:

- A. Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định của loài người.
- B. Là sản phẩm của con người.
- C. Là do điều kiện kinh tế - xã hội sinh ra.
- D. Tôn giáo sẽ tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử nhân loại

Câu 70: Khi nào thì tôn giáo mang tính chính trị?

- A. Khi các giai cấp thống trị đã lợi dụng và sử dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình.
- B. Khi tôn giáo tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội
- C. Phản ánh nguyện vọng của nhân dân.
- D. Khi các cuộc chiến tranh tôn giáo nổ ra.

Câu 71: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do và không của nhân dân.

- A. Tín ngưỡng – tín ngưỡng
- B. Tôn giáo – tôn giáo
- C. Tín ngưỡng – tôn giáo
- D. Tôn giáo - tín ngưỡng

Câu 72. Giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo có sự khác nhau về thế giới quan, nhân sinh quan và nhân dân. Trong dấu ba chấm là

- A. Con đường mưu cầu hạnh phúc cho
- B. Đời sống tinh thần
- C. Nhu cầu của
- D. Hình thức tác động tới

Câu 73: Quan hệ cơ bản nhất dẫn tới sự hình thành, duy trì và củng cố gia đình là?

- A. Quan hệ hôn nhân**
- B. Quan hệ huyết thống
- C. Quan hệ nuôi dưỡng

Câu 74: Chức năng nào được coi là chức năng cơ bản và riêng có của gia đình?

- A. Tái sản xuất ra con người**
- B. Tổ chức đời sống gia đình
- C. Giáo dục gia đình
- D. Thoả mãn tâm sinh lý

Câu 75: Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong chủ nghĩa xã hội là gì?

- A. Xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.**
- B. Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, KH & CN
- C. Nhà nước xã hội chủ nghĩa ban hành và thực hiện luật Hôn nhân và nâng cao trình độ văn hoá và dân trí cho mọi người dân
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 76: Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở nào?

- A. Tình yêu chân chính**
- B. Quyền tự do kết hôn và lý hôn
- C. Tài sản nam – nữ.
- D. Kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa

Câu 77: Sự biến đổi về quy mô, cấu trúc của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo hướng:

- A. Quy mô gia đình ngày càng nhỏ, gia đình gồm hai thế hệ sinh sống**
- B. Quy mô gia đình ngày càng mở rộng, gia đình gồm nhiều thế hệ sinh sống
- C. Quy mô gia đình không đổi, gia đình gồm nhiều thế hệ sinh sống
- D. Quy mô gia đình mở rộng, gia đình gồm hai thế hệ sinh sống nhưng đông con

Câu 78: Sự biến đổi về chức năng tái sản xuất ra con người của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo hướng:

- A. Giảm mức sinh của phụ nữ, không nhất thiết phải có con trai**
- B. Nhất định phải có con, đặc biệt là con trai
- C. Gia đình càng đông con càng tốt
- D. Giảm số con mong muốn, nhưng nhất định phải có con trai

Câu 79: Sự biến đổi về chức năng giáo dục của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội điểu hạn chế là:

- A. Vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm**
- B. Tăng mức đầu tư tài chính cho việc giáo dục con cái

- C. Chú trọng giáo dục về đạo đức, ứng xử
- D. Chú trọng giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, kỹ năng sống...

Câu 80: Sự biến đổi về quan hệ giữa các thành viên trong gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó về vai trò làm chủ gia đình thì:

- A. Tồn tại cả ba mô hình: người đàn ông – người chồng làm chủ; người phụ nữ - người vợ làm chủ và cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình
- B. Từ người đàn ông – người chồng làm chủ gia đình sang người phụ nữ - người vợ làm chủ
- C. Từ người đàn ông – người chồng làm chủ gia đình sang người phụ nữ - người vợ làm chủ hoặc hai vợ chồng cùng làm chủ
- D. Người đàn ông - người chồng vẫn làm chủ gia đình

Câu 81: Nội dung cơ bản và trực tiếp để xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay là gì?

- A. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc
- B. Phát triển kinh tế - xã hội
- C. Nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân lao động
- D. Giải phóng người phụ nữ

Câu 82: Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc ban hành Quyết định 588 phê duyệt Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đến năm 2030. Trong đó khuyến khích nam, nữ kết hôn trước:

- A. 30 tuổi
- B. 32 tuổi
- C. 28 tuổi
- D. 26 tuổi